

Số: 146 /TTr-CNDD

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua nội dung chính thỏa thuận khung giữa
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty CP Xây dựng
Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí được thông qua ngày 26/04/2013.
- Căn cứ Nghị quyết số 372/NQ-XLKD ngày 23/4/2014 của Hội đồng quản trị PVC v/v: Thông qua nội dung chính thỏa thuận khung giữa PVC và các đơn vị thành viên.

Để thực hiện thống nhất trong việc phối hợp quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động giữa PVC và các đơn vị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, uy tín, thương hiệu, đảm bảo các đơn vị trực thuộc PVC hoạt động hiệu quả và bền vững. Hội đồng quản trị PVC-IC kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung chính thỏa thuận khung giữa PVC và PVC-IC. (dự thảo thỏa thuận khung đính kèm)

Kính đề nghị Đại hội cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, GD, BKS
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN TRỌNG KHA

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2014

Số: 372 /NQ-XLDK

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua nội dung chính thỏa thuận khung
giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 19/5/2013;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty tại Tờ trình số 1199/TTr-XLDK ngày 21/04/2014 và căn cứ ý kiến chấp thuận của các Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tại Phiếu lấy ý kiến số 360/XLDK-HĐQT ngày 21/4/2014,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung chính thỏa thuận khung giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên theo Tờ trình của Tổng giám đốc số 1199/TTr-XLDK ngày 21/04/2014.

Điều 2. Giao Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện các thủ tục để ký kết và triển khai thực hiện thỏa thuận khung với các đơn vị đảm bảo đúng pháp luật, phù hợp với Điều lệ và các Quy định, Quy chế nội bộ của Tổng công ty, các đơn vị.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty, Trưởng các Ban/Văn phòng/Chi nhánh của Tổng công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PVC-MS, PVC-PT, PVC-IC chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS, Ban TGD (c-copy);
- Lưu: VT, TCNS, HĐQT. (15)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP DẦU KHÍ
VIỆT NAM
TP. HÀ NỘI
Bùi Ngọc Thắng

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

THỎA THUẬN KHUNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 372/2014/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam ngày/...../2014)

Thỏa thuận khung này được lập và ký kết tạivào ngàytháng.....năm 2014,

GIỮA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15 tháng 01 năm 2013.

Điện thoại: 84-4-37689291

Fax: 84-4-39689290

Sau đây gọi là “**Tổng công ty**”

Do Ông Trần Minh Ngọc

Chức vụ: Tổng Giám đốc, làm đại diện

VÀ

CÔNG TY.....

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....

Điện thoại:.....

Fax:.....

Sau đây được gọi là “**Đơn vị**”

Do Ông, chức vụ: Giám đốc, làm đại diện

(Giấy ủy quyền/Quyết định ủy quyền nếu do đại diện khác không phải Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị ký kết)

Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty..... sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”,

XÉT RẰNG:

- Các Bên mong muốn xây dựng và phát triển mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh và tự nguyện ký kết Thỏa thuận này;

- Các Bên mong muốn cùng xây dựng cơ chế thống nhất trong việc phối hợp quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động giữa Tổng công ty và Đơn vị nhằm

nâng cao sức cạnh tranh, vị thế và uy tín của Tổng công ty và Đơn vị trên thị trường trong nước và quốc tế, đảm bảo cho các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

VÌ VẬY:

Các Bên cùng thống nhất lập và ký kết Thỏa thuận khung (Thỏa thuận) với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: Mục đích và đối tượng của Thỏa thuận

Thỏa thuận này quy định các nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa Tổng công ty và Đơn vị, quy định quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên trong việc phối hợp quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng công ty và Đơn vị nhằm nâng cao sức cạnh tranh, vị thế và uy tín của Tổng công ty và Đơn vị trên thị trường, đảm bảo phối hợp hoạt động hiệu quả giữa Tập đoàn, Tổng công ty, Đơn vị và các doanh nghiệp trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Thỏa thuận này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Tập đoàn” là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu hoạt động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31/10/2013 của Chính phủ và quy định của pháp luật.

b) “Tổng công ty” là công ty mẹ Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam, là công ty Cổ phần trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; chi phối các công ty con và định hướng hoạt động của các doanh nghiệp trong Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2013 và quy định của Pháp luật.

c) “Nhóm các Doanh nghiệp Tổng công ty” là tổ hợp các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, bao gồm:

- Công ty mẹ - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Công ty con của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Công ty thành viên của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.;
- Công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

d) “Công ty con của Tổng công ty” là các doanh nghiệp do Tổng công ty giữ quyền chi phối; được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc hai thành viên trở lên, công ty liên doanh,...được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.

đ) “Công ty thành viên của Tổng công ty” là các công ty do Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, công ty con của Tổng công ty trực tiếp nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối, giữ quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó.

e) “Công ty liên kết của Tổng công ty” gồm công ty có vốn góp dưới mức chi phối của công ty mẹ và của công ty con và không do các công ty này nắm quyền chi phối; công ty không có vốn góp của Tổng công ty và công ty con, tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác với công ty mẹ hoặc công ty thành viên trong Tổng công ty.

f) “Quyền chi phối” là quyền của Tổng công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
- Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;
- Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của doanh nghiệp;
- Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
- Các quyền chi phối khác theo thỏa thuận giữa Tổng công ty và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

g) “Người đại diện theo uỷ quyền đối với phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp” (sau đây gọi tắt là “Người đại diện theo uỷ quyền”): là cá nhân được Tổng công ty uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

h) “Chức danh quản lý chủ chốt” bao gồm: Người đại diện theo uỷ quyền (Hội đồng quản trị/Chủ tịch Công ty), Ban quản lý và điều hành Công ty (Giám đốc, Kế toán trưởng, các Phó Giám đốc) và Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

2. “Pháp luật” là các quy định pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các Luật/Bộ luật và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành. Các thuật ngữ không được định nghĩa trong Thỏa thuận này được giải thích theo quy định pháp luật.

Điều 3: Nguyên tắc ký kết Thỏa thuận

Việc ký kết Thỏa thuận giữa Các Bên được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:

1. Các Bên tự nguyện ký kết Thỏa thuận này trên cơ sở tôn trọng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Các Bên và đồng thuận nhất trí đối với các quy định về mối quan hệ giữa Các Bên trong hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát của Tổng công ty đối với Đơn vị;

2. Tổng công ty và Đơn vị có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; hoạt động trên cơ sở tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành và điều lệ tổ chức và hoạt động của Các Bên; tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình; chịu sự ràng buộc về quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên theo Thỏa thuận này;

3. Đơn vị phải tuân thủ quy chế hoạt động chung của Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam do Tổng công ty ban hành trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của

Tổng công ty trong quản lý, điều hành Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam quy định tại Điều lệ Tổng công ty và thỏa thuận giữa Tổng công ty với các Doanh nghiệp trong Tổng công ty được cam kết giữa Tổng công ty và Đơn vị tại Thỏa thuận này hoặc các thỏa thuận khác có liên quan; tuân thủ định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh đối với Đơn vị với tư cách là doanh nghiệp trong Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam; phát triển, định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, xuất khẩu,... xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với định hướng hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

4. Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam, trong đó có Đơn vị, thực hiện các hoạt động chung của Tổng công ty trong quan hệ với bên thứ ba trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác nhân danh Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam;

5. Đơn vị căn cứ vào các quy định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình, Điều lệ Tổng công ty và Thỏa thuận này để xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế quản lý nội bộ của Đơn vị và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế quản lý nội bộ của Đơn vị không được trái với Điều lệ Tổng công ty và các quy định tại Thỏa thuận này.

Điều 4: Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng công ty

Tổng công ty có quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn đã đầu tư vào Đơn vị theo quy định của pháp luật và Thỏa thuận này; hoặc quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty với tư cách là doanh nghiệp nắm giữ quyền chi phối đối với Đơn vị; hoặc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty theo Thỏa thuận này đối với Đơn vị mà Tổng công ty không góp vốn và không nắm quyền chi phối.

Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành quy chế/quy định phân công, phân cấp cho Người đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty tại Đơn vị thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp mà Tổng công ty góp vốn, hoặc quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty với tư cách là doanh nghiệp nắm giữ quyền chi phối đối với Đơn vị, hoặc quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với Đơn vị phù hợp với quy định tại Thỏa thuận này và quy định của Pháp luật.

2. Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia quản lý, điều hành ở Đơn vị; quyết định/giới thiệu/chấp thuận để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Chức danh quản lý chủ chốt tại Đơn vị theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ của Đơn vị và Thỏa thuận này; ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của Người đại diện theo uỷ quyền; quyền góp ý để phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Đơn vị; thống nhất việc sử dụng chức danh Giám đốc tại Đơn vị; quy định những vấn đề phải được Tổng công ty thông qua trước khi Người đại diện theo uỷ quyền quyết định hoặc tham gia quyết định tại Đơn vị.

3. Sử dụng quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn, quyền của cổ đông, thành viên và/hoặc Quyền chi phối của Tổng công ty đối với Đơn vị, và quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty được quy định trong Thỏa thuận này để phối hợp định hướng hoạt động của Đơn vị trong khuôn khổ hoạt động của Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam, cụ thể:

a) Định hướng chiến lược phát triển của Đơn vị phù hợp với chiến lược phát triển chung, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tổng công ty theo nguyên tắc phân công lĩnh vực hoạt động và ngành nghề sản xuất kinh doanh.

b) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, chiến lược phát triển và sử dụng Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của Đơn vị theo chính sách chung của Tổng công ty.

c) Đảm bảo để Đơn vị định hướng phát triển, định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường,...theo lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

d) Định hướng Đơn vị xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với định hướng hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Đơn vị.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế hoạt động, điều hành, quy chế quản lý nội bộ và tiêu chuẩn, định mức chung áp dụng thống nhất trong phạm vi Tổng công ty và làm cơ sở để Đơn vị xây dựng quy chế hoạt động của doanh nghiệp.

5. Triển khai Quy chế quản lý Thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tới các Đơn vị sử dụng Thương hiệu Tập đoàn tuân thủ theo các quy định của Quy chế này trong hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng, tên viết tắt của Đơn vị theo quy định của Tập đoàn và Tổng công ty. Việc sử dụng Thương hiệu Tập đoàn của Đơn vị phải ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

6. Phối hợp hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung (nếu có); giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro; xem xét hỗ trợ hoạt động tài chính cho Đơn vị khi được Đơn vị đề nghị.

7. Yêu cầu Đơn vị báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn Tổng công ty (nếu có), kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp với tư cách là chủ sở hữu phần vốn hoặc cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối hay quyền chi phối tại Đơn vị để phục vụ công tác quản lý, điều hành chung của Tổng công ty; tổ chức giám sát, kiểm tra, thanh tra định kỳ/đột xuất và đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành, việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của Đơn vị theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ áp dụng chung cho Tổng công ty do Tổng công ty ban hành và Đơn vị đã đồng ý tuân thủ thực hiện khi ký kết Thỏa thuận này.

8. Tổng công ty tổ chức và chỉ đạo Đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho công tác điều hành giám sát, kiểm tra, thanh tra

định kỳ/đợt xuất và đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành, thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Khoản 7 Điều này.

9. Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho Đơn vị; làm đầu mối tập hợp các nguồn lực của Đơn vị và các doanh nghiệp trong Tổng công ty để thực hiện đấu thầu và triển khai thực hiện các dự án chung do các doanh nghiệp này cùng thỏa thuận và thực hiện.

10. Tham vấn Đơn vị trong việc thực hiện các hoạt động chung; làm đầu mối phối hợp, xây dựng cơ chế phối hợp, điều tiết hoạt động sản xuất, kinh doanh giữa Đơn vị và các doanh nghiệp trong Tổng công ty; phối hợp với Đơn vị cũng như các doanh nghiệp trong Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích và các công việc do Nhà nước hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao cho Tổng công ty phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 5: Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Đơn vị

Đơn vị có quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Đơn vị được quy định tại Thỏa thuận này, Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị và theo quy định Pháp luật.

2. Thực hiện quy chế cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Chức danh quản lý chủ chốt tại Đơn vị, cũng như việc thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của Người đại diện theo uỷ quyền theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ của Đơn vị và Thỏa thuận này.

3. Thực hiện thống nhất tên gọi chức danh Giám đốc tại Đơn vị phù hợp với quy định của Tập đoàn, Điều lệ Tổng công ty và Điều lệ của đơn vị.

4. Quyết định lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của đơn vị trên cơ sở định hướng của Tổng công ty về lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

5. Quyết định chiến lược phát triển phù hợp với chiến lược phát triển chung, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tổng công ty; xác định mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, chiến lược phát triển và sử dụng Thương hiệu Tập đoàn, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác theo chính sách chung của Tổng công ty.

6. Xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị trên cơ sở đảm bảo Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị không được trái với Điều lệ Tổng công ty, Thỏa thuận này và quy định Pháp luật.

7. Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế hoạt động, điều hành, quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp phù hợp với quy chế hoạt động, điều hành, quy chế quản lý nội bộ và tiêu chuẩn, định mức chung do Tổng công ty ban hành và áp dụng thống nhất trong phạm vi toàn Tổng công ty.

8. Đơn vị sử dụng Thương hiệu Tập đoàn Việt Nam phải tuân thủ thực hiện các quy định tại Quy chế quản lý Thương hiệu Tập đoàn áp dụng chung cho toàn bộ Tập đoàn Dầu khí quốc gia trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc đặt tên viết tắt,

tên thương mại của doanh nghiệp. Việc sử dụng Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam của Đơn vị chỉ sau khi được ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với Tập đoàn.

9. Phối hợp với Tổng công ty và doanh nghiệp trong Tổng công ty hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro theo quy định Pháp luật và Thỏa thuận này; hỗ trợ hoạt động tài chính cho Đơn vị khi được Đơn vị đề nghị.

10. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn Tổng công ty, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp khi Tổng công ty yêu cầu với tư cách là chủ sở hữu phần vốn hoặc cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối hay quyền chi phối tại Đơn vị; chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra định kỳ/đột xuất của Tổng công ty để đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành, thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo quy định tại các quy chế quản lý nội bộ áp dụng chung cho Tổng công ty ban hành và Đơn vị đã đồng ý tuân thủ thực hiện khi ký kết Thỏa thuận này.

11. Tham vấn cho Tổng công ty trong việc thực hiện các hoạt động chung; phối hợp với Tổng công ty cũng như các doanh nghiệp trong Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích và các công việc do Nhà nước hoặc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam giao phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 6: Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt Thỏa thuận

1. Sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận:

Mọi sửa đổi, bổ sung đối với nội dung của Thỏa thuận này phải được Các Bên thống nhất bằng văn bản. Các Bên có thể cụ thể hoá, sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần các quy định của Thỏa thuận này bằng các phụ lục và các phụ lục này là phần không thể tách rời của Thỏa thuận này.

2. Thỏa thuận này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- a) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Thỏa thuận này trước thời hạn (bao gồm cả trường hợp Đơn vị không còn là Công ty con hay Công ty liên kết của Tổng công ty);
- b) Một trong Các Bên đơn phương chấm dứt Thỏa thuận theo quy định tại Thỏa thuận này;
- c) Trường hợp một trong Các Bên tuyên bố phá sản, giải thể, chuyển đổi, hợp nhất, sáp nhập hay chia tách doanh nghiệp;
- d) Các trường hợp khác mà pháp luật quy định Thỏa thuận phải chấm dứt hiệu lực.

3. Đơn phương chấm dứt Thỏa thuận:

Các Bên có quyền đơn phương chấm dứt Thỏa thuận này trong các trường hợp sau đây:

- a) Một trong Các Bên vi phạm các cam kết trong việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của Thỏa thuận này.

85.
PHÁP
KH
M
HP

b) Trường hợp bất khả kháng không thể thực hiện được Thỏa thuận này. Bất khả kháng được hiểu là sự kiện xảy ra không lường trước được và nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý của Các Bên theo quy định của Pháp luật bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, bão, lũ, động đất, bệnh dịch, chiến tranh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc sự thay đổi pháp luật... Khi có sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng của sự kiện này phải thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng kèm theo các chứng cứ hợp pháp để chứng minh và phải tìm mọi biện pháp để khắc phục hoặc biện pháp thay thế khác để làm giảm thiểu tối đa hệ quả phát sinh do sự kiện bất khả kháng đó và để thực hiện nghĩa vụ quy định trong Thỏa thuận này. Các Bên không phải chịu trách nhiệm trước Bên còn lại về việc không thực hiện nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng quy định tại Điều này.

Trường hợp mong muốn đơn phương chấm dứt Thỏa thuận này trước thời hạn, Bên muốn đơn phương chấm dứt Thỏa thuận phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước thời điểm chấm dứt Thỏa thuận 30 ngày làm việc (không kể ngày lễ, thứ bảy, chủ nhật).

Điều 7: Thông báo

Mọi thông báo liên quan đến Thỏa thuận này phải được Các Bên làm thành văn bản, do Người đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên ký, được gửi trực tiếp hoặc theo hình thức thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, fax hay e-mail tới địa chỉ dưới đây (hoặc địa chỉ khác được Các Bên thông báo cho nhau nhằm thực hiện quy định tại Điều này).

1. Tổng công ty:

Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04.37689291 Fax: 04.37689290

E-mail:

2. Đơn vị:

Công ty.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:

Điều 8: Hiệu lực của Thỏa thuận

Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tại thời điểm ký Thỏa thuận này, Các Bên xác nhận đã đồng thuận thống nhất hoàn toàn và hiểu biết đầy đủ giữa Các Bên đối với các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên được quy định trong Thỏa thuận này để cùng thực hiện.

Trong trường hợp một hoặc một số điều khoản của Thỏa thuận này không còn hiệu lực hay trở thành không có hiệu lực theo thỏa thuận của Các Bên thì các điều khoản còn lại không bị ảnh hưởng và vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 9: Luật, ngôn ngữ áp dụng và giải quyết tranh chấp

Thỏa thuận này được hiểu, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Các nội dung không được quy định trong Thỏa thuận này sẽ được Các Bên thực hiện theo quy định của Pháp luật Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng của Thỏa thuận là tiếng Việt.

Mọi tranh chấp phát sinh hoặc liên quan tới việc ký kết, hiệu lực, thực hiện, vi phạm hay chấm dứt Thỏa thuận này được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải giữa Các Bên.

Điều 10: Điều khoản thi hành

Các Bên cùng thống nhất nội dung các điều khoản của Thỏa thuận này và cam kết đã nhận được sự phê duyệt, cho phép cần thiết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định Pháp luật khi ký kết Thỏa thuận này.

Thỏa thuận này được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của Các Bên.

Thỏa thuận này được lập và ký thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản./.

TỔNG CÔNG TY
CÔNG PHÂN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tổng Giám đốc

CÔNG TY.....
.....
Giám đốc



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 372 /NQ-XLDK

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua nội dung chính thỏa thuận khung
giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên

CTY XÂY DỰNG CN VÀ DD DẦU KHÍ
CÔNG VĂN ĐẾN

Số.....Ngày.....

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 19/5/2013;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty tại Tờ trình số 1199/TTr-XLDK ngày 21/04/2014 và căn cứ ý kiến chấp thuận của các Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tại Phiếu lấy ý kiến số 360/XLDK-HĐQT ngày 21/4/2014,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung chính thỏa thuận khung giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên theo Tờ trình của Tổng giám đốc số 1199/TTr-XLDK ngày 21/04/2014.

Điều 2. Giao Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện các thủ tục để ký kết và triển khai thực hiện thỏa thuận khung với các đơn vị đảm bảo đúng pháp luật, phù hợp với Điều lệ và các Quy định, Quy chế nội bộ của Tổng công ty, các đơn vị.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty, Trưởng các Ban/Văn phòng/Chi nhánh của Tổng công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PVC-MS, PVC-PT, PVC-IC chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS, Ban TGD (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Ngọc Thắng

